

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SKYTECH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SKYTECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SKYTECH CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110719358

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 6, Ngõ 18, Xóm Mới, Thôn Thanh Oai, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)	4390
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (loại trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh; - Bán buôn nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, phụ liệu, chất màu phục vụ cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và công nghệ; - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm, sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669
14.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ: hợp báo, không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	8230
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, chứng khoán)	6619
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
19.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820

20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng - Kiểm định xây dựng - Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
21.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Việc kiểm tra lý, hóa và các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm, gồm: - Kiểm tra âm thanh và chấn động; - Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; - Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; - Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy; - Kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện: mô tô, ô tô, thiết bị điện...; - Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn; - Phân tích lỗi;	7120
22.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá; không đập, cắt, gò, hàn sơn tại trụ sở)	7310
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; đồ họa, mỹ thuật công nghiệp, - Hoạt động trang trí nội, ngoại thất.	7410
24.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán và hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
25.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
26.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
27.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
28.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512

29.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) Chi tiết: - Sản xuất lò hơi hoặc lò hơi nước khác; - Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như : Bộ phận góp hơi và tích lũy hơi, bộ phận làm sạch cặn nước, bộ phận phục hồi khí và dụng cụ cạo cặn lò hơi; - Sản xuất các bộ phận cho tàu thủy chạy bằng sức nước. (Trừ loại Nhà nước cấm)	2513
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (Không bao gồm vàng)	2591
31.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
32.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng Chi tiết: - Sản xuất dụng cụ cắt gia dụng như dao, đĩa, thìa... - Sản xuất các chi tiết của dao kéo như: Dao pha và dao bầu, dao cạo và lưỡi dao cạo, kéo và kéo xén tóc; - Sản xuất dao và lưỡi dao cho máy móc và các bộ phận máy móc; - Sản xuất dụng cụ cầm tay như kìm, tua vít; - Sản xuất dụng cụ cầm tay trong nông nghiệp không dùng năng lượng; - Sản xuất cửa và lưỡi cửa, bao gồm lưỡi cửa tròn và cửa xích; - Sản xuất dụng cụ cầm tay không thay thế, có hoặc không hoạt động năng lượng, hoặc cho dụng cụ máy: khoan, giùi, bàn ren, cắt khóa; - Sản xuất dụng cụ ép; - Sản xuất dụng cụ rèn: rèn, đe... - Sản xuất hộp đúc (trừ đúc thổi); - Sản xuất mỏ cạp, kẹp; - Sản xuất khoá móc, khoá, chìa khoá, bản lề...phần cứng cho xây dựng, đồ đạc, xe đạp... (Trừ loại Nhà nước cấm)	2593

33.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gập lại được; - Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng; - Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự. - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc; - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt... - Sản xuất túi đựng nữ trang; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào đậu, vĩ, lưới, vải... - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; - Sản xuất lò xo (trừ lò xo đồng hồ) như : Lò xo lá, lò xo xoắn ốc, lò xo xoắn tròn ốc, lá cho lò xo; - Sản xuất xích, trừ xích dẫn năng lượng; - Sản xuất các chi tiết kim loại khác như : + Sản xuất chân vịt tàu và cánh, + Mỏ neo, + Chuông, + Đường ray tàu hoả, + Móc gài, khoá, bản lề; - Sản xuất nam châm vĩnh cửu, kim loại; - Sản xuất bình của máy hút bụi kim loại; - Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược. (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội và loại Nhà nước cấm)	2599
34.	Sản xuất đồ điện dân dụng (Trừ loại Nhà nước cấm)	2750
35.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) (Trừ loại Nhà nước cấm)	2811

36.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu (Trừ loại Nhà nước cấm)	2812
37.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (Trừ loại Nhà nước cấm)	2813
38.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động (Trừ loại Nhà nước cấm)	2814
39.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung (Trừ loại Nhà nước cấm)	2815
40.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (Trừ loại Nhà nước cấm)	2816
41.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) (Trừ loại Nhà nước cấm)	2817
42.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén (Trừ loại Nhà nước cấm)	2818
43.	Sản xuất máy thông dụng khác (Trừ loại Nhà nước cấm)	2819
44.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
45.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)	4799
46.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
47.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
49.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
50.	Bốc xếp hàng hóa	5224
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Loại trừ: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ liên quan đến hóa lỏng khí để vận chuyển và bãi đỗ ô tô)	5225
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229

53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Cơ sở lưu trú khác	5590
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
58.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ quán bar, vũ trường)	5630
59.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
60.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
61.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
62.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
64.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
65.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Trừ loại Nhà nước cấm)	3100
66.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
67.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
68.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
69.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
70.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
73.	Thu gom rác thải không độc hại (Không chứa, phân loại, xử lý rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3811
74.	Thu gom rác thải độc hại (Trừ loại Nhà nước cấm) (Không chứa, phân loại, xử lý rác thải tại địa điểm trụ sở chính)	3812
75.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
76.	Xây dựng nhà không để ở	4102
77.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

78.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
79.	Xây dựng công trình điện	4221
80.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
81.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
82.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
83.	Xây dựng công trình thủy	4291
84.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
85.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
86.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
87.	Phá dỡ (trừ nổ mìn)	4311
88.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ nổ mìn)	4312
89.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
90.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
91.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
92.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAM HOÀNG DUƠNG	P2611, Tòa D, KĐT Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0340820107 24	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		
2	BÙI NGỌC THƯỜNG	P2220, Tòa C, KĐT Kim Văn – Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0010800049 95	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

3	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Số 6, Ngõ 18, Xóm Mới, Thôn Thanh Oai, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	0240880030 93	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
4	TRẦN HỒNG QUÂN	Số 25, Hẻm 42/62/14 Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	0010930310 34	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH LUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024088003093

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 6, Ngõ 18, Xóm Mới, Thôn Thanh Oai, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 6, Ngõ 18, Xóm Mới, Thôn Thanh Oai, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội